

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

**THIÊN THAI TỬ GIÁO
NGHI**

SỐ 1931

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1931

TỨ GIÁO TỤNG

Bảy giai vị bảy hiền bao gồm một, hai giai vị trong giai vị của Thông giáo, sơ cơ đồng với Biệt tín. Đồng thời năm phẩm vị của Viên giáo thì kiến hoặc và tự hoặc hàng phục vẫn còn. Phạm ở quả vị Tu-đà-hoàn, dự vào dòng Thánh, đồng với địa thứ ba, thứ tư của Thông giáo lại thông với Biệt trụ. Sơ tín của viên giáo tám mươi tám kết sử và tập khí mới dứt. Bảy tạng của Tín trụ và Biệt trụ của Viên giáo thông đến quả Phật đều đồng cung cấp, đồng trừ bốn trụ, chứng thiên chân, trong ngoài trần sa phân đoạn, hàng phục hai hoặc của Thập tín, không giả thành tục, lý đủ mới thông. Biệt trụ ở trước, ba vị sau nói tiếp giai vị Hạnh và Hồi hướng tương đồng biệt địa hoàn toàn đồng. Trụ của Viên giáo là hàng phục được vô minh phần đoạn, chứng chân, nhân đồng diệu nhất giác, hai hạnh đầu tiên vẫn, ba vị không biết tên.

DUYÊN KHỞI NGHI TỨ GIÁO.

Tu Tăng Sử Tăng đời Tống Thống Tán Ninh Thông Tuệ ghi rằng: Cuối đời Đường vua Tiễn Trung Y nước Ngô Việt trị nước, lúc nhàn rồi vua thường để tâm vào nội điển. Nhân xem Vĩnh Gia Tập có cùng trừ bốn trụ, chỗ này là đồng. Nếu hàng phục vô minh Ba tạng thì kém cõi, câu cú không rõ. Hỏi quốc sư Vân Cư Vận, bèn nói: Chùa Quốc Thanh Thiên Thai có Quốc sư Tịch khéo hoằng giáo pháp, chắc rõ lời này.

Vua vời sư đến hỏi. Sư trả lời: Đại sư Thiên thai Trí giả này vẫn rất huyền diệu. Bấy giờ, quân Tào An binh bại liền hội xướng đốt bỏ giáo tạng Trung quốc. Nay chỉ có Cao Ly Hải Đông mở mang đạo giáo mới thịnh. Toàn thư ở nước kia. Vua nghe vậy vui mừng liền sai Quốc Thư Chí Tệ đến Cao-ly tìm lấy một nhà chương sớ, vua nước Cao-ly bèn ban sắc cho vị Tăng rằng: Đế Quán đáp lời đem bộ Thiên Thai giáo trở lại cho ta. Quán đã đến liền bảm học với Tịch Công ở Loa Khê, đại giáo đâu có đến. Ấy là lời xướng lại.

Quán hay tìm tòi Đại Bản chép ra văn của Tứ giáo nghi thành hai quyển. Quyển thượng nói về một nhà phán giáo lập nghĩa. Quyển hạ nói về các sư Nam Bắc tông có đường lối khác. Sau đó đến Pháp sư Cô Sơn đính chính khắc bản. Nhưng chỉ lưu hành văn của quyển thượng ngày nay.

Bởi vì câu từ đơn giản, nghĩa chỉ dễ rõ, người học đọc rất dễ hiểu. Đại Cương một đề giáo hoá đâu nói là bổ sung ít?

Quyển hạ thì phá văn nghĩa rườm rà của các sư Nam Bắc xưa, cho nên phải chậm trễ.

Như cuối văn này chỉ nói từ dưới nói sơ lược nghi thức của các nhà phán giáo, nên lại có thể thấy đại lược ở quyển sau.

Vua xây chùa ở Loa Khê cho Tịch Sư.

Vua nói: Viện Định Tuệ tiến hiệu Tịnh Quang Đại Sư, truy tìm Cửu tổ, đồng thời Hải Đông trả lại Giáo tạng đều phó cho Sư. Trong giáo môn hưng khởi nên tăng chân thật ở đây. Mà Vận công đồng họ với Trí Giả. Lại Tông thừa Tỳ Tán lại ở gần chỗ tháp Phật, mọi người đều nghi điều đó là thân sau của Trì giả.

Pháp sư Tứ Minh Thảo Am nói nhân giáo uyển, để lại sự việc rằng: Thiên Sư Trí giả lập ao phóng sinh. Ở trên bờ ao ấy phóng sinh trao ba quy y, năm giới cấm, nói pháp, sau đó phóng sinh.

Sau khi Trí Giả mất, cuối đời Đường, pháp Thiên Thai vắng bóng ở Trung Quốc. Nhưng các nước Hải Đông, Cao-ly, Tân-la hoằng truyền giáo này thịnh hành, giúp cho Tông phái kế thừa. Pháp Sư Trung nói: Duyên ở xứ này mà giáo phô bày ở Hải Đông.

Điều này nhất định trong ao phóng sinh các loài cá nghe giáo lãnh thọ giới pháp được thoát nghiệp báo. Như vậy, người nghe nói thế chệch bai cho là luống dối, thật không biết giáo lý có nương cậy. Mười ngàn vị thiên tử nơi dòng nước liền thoát thân cá đâu có ngoài điều này?

Sa-môn Trì Giác ở Tịnh Nghiệp Đường khắc bản vào niên hiệu Vạn lịch thứ chín, đời Minh.

KHẮC THIÊN THAI TỬ GIÁO NGHI DẪN

Một năm trước đào vườn cho nên thành tên giảng đường là Tịnh Nghiệp, thuộc về nơi dưỡng bệnh. Một hôm, nhân theo ba bốn người bạn đóng cửa kiết hạ. Trong thất ba thời lễ khóa cầu sinh tịnh độ, an toạ, đốt hương nghiên cứu tinh thông tạng điển. Chuông khánh vừa khởi, Mây trắng vừa lưu lại chim bay, mà người thân và cỏ dại thì mọc đầy đường, để lại cánh cửa cao vợi, dứt ý của Hán Âm (tên huyện) vui mừng

rất thích. Đã là một vị tăng Chân giác từ Vũ Lâm đến học Thiên Thai với ta. Ta lúc đầu bằng lòng, cần gì ở lại mười ngày mở xẻ đại chỉ của giáo quán. Nếu Ta có ngộ nhập thì chấp tay trước Phật đời đời mở mang Tông Thiên Thai, thanh tịnh cõi nước Phật. Bởi vì các bạn cùng thời phát tâm mãi mãi làm chủ bạn cội nguồn giáo nghĩa Thiên Thai nói rõ Tứ Minh Khánh công soạn, Phật tổ gom hợp. Nhưng Tứ giáo nghi thì sa-môn Đế Quán ở Cao-ly thọ lãnh huyền văn của Pháp Hoa mà người ghi ra sách gồm có hai quyển. Quyển thượng nói về nghĩa của một nhà phán giáo. Quyển hạ nói các Sư Nam Bắc Tông có đường lối khác. Tính đến nay việc truyền thừa chính là quyển thượng. Lời nói gây gọn nghĩa lý bao gồm thật là then chốt của giáo nghĩa Thiên Thai. Người học rõ điều này chính là đại cương của một đời giáo hoá, suy nghĩ hơn một nửa.

Sa-môn Mông Nhuận người ở Trung Thiên-trúc có thu tập ghi chú ba quyển, cũng gộp lại chú thích. Gần đây, Ngô Trung có khắc bản, đóng cửa hai thảng đã ra thì lại lạm cương yếu thế tục, bèn không thể bảo tồn tịnh giới, ăn thịt uống rượu, gần vợ con như ngày xưa. Khách có người ấu trĩ mê nơi tha phương. Một hôm người nói: Nhà ông ở đâu, cha anh dòng tộc, mộ phần ruộng vườn muôn thứ phải nhớ. Người này tức là lưu trệ không thể biết quay về há làm kẻ tha phương. Mùa Xuân năm nay, tôi lại bỏ mạng đến núi xanh sẽ có ngày thành công. Nhân đuổi theo trí trước, bỏ tiền khắc Giáo nghi một quyển, lại khoa văn lưu hành ở đời. Những người cùng chí mới cầm chìa khóa mở toang cánh cửa để đến hải tạng, làm cho một nhà giáo quán như vầng mặt trời giữa trưa, dòng sông chảy đến ao, ta ở lại nơi quê người có thể mượn để sám hối, mong hãy cố gắng.

Cư sĩ Phùng Mộng Trinh soạn vào ngày Phật hoan hỷ, mùa Xuân năm Nhâm Ngọ.

SỐ 1931

THIÊN THAI TỨ GIÁO NGHI

Sa-môn Đế Quán ở Cao-ly ghi chép.

Đại Sư Thiên Thai Trí Giả dùng năm thời tám giáo, phán thích một đời Thánh giáo truyền về Phương Đông thật vô tận.

Năm thời gồm:

1. Thời Hoa Nghiêm
2. Thời Lộc Uyển (nói bốn A-hàm)
3. Thời Phương Đẳng (nói các kinh Duy-ma, Tư-Ích, Lăng-già, Lăng-nghiêm, Tam-muội, Kim Quang Minh, Thắng-man)
4. Thời Bát-nhã (nói các kinh Ma-ha Bát-nhã, Quang Tán Bát-nhã, Kim Cương Bát-nhã, Đại Phẩm Bát-nhã)
5. Thời Pháp Hoa Niết-bàn: Năm thời này cũng gọi là năm vị.

Tám giáo gồm: Đốn, tiệm, bí mật, bất định, Tạng giáo, thông giáo, Biệt giáo, Viên giáo, ấy là tám giáo.

Bốn giáo như: Đốn, tiệm, bí mật, bất định là hóa nghi như phương thuốc ở đời.

Tạng, Thông, Biệt, Viên giáo là hóa pháp, như nói vị thuốc. Những nghi này rải rác các nơi.

Nay theo Đại Bản lược ghi cương yếu.

Trước nói về năm thời, năm vị và hóa nghi bốn giáo. Sau đó nêu ra Tạng, Thông, Biệt, Viên giáo.

1- Đốn giáo: Là kinh Hoa Nghiêm, theo bộ thời vị được gọi là Đốn, cho nên Như Lai mới thành đạo, ở đạo tràng tịch diệt, bốn mươi mốt vị Đại sĩ Pháp thân và tám bộ trời rồng do kiếp trước căn cơ thuần thực một lúc vây quanh, như mây vây quanh mặt trăng. Bấy giờ, Như Lai hiện thân Lô-Xá-na nói tu-đa-la đầy đủ, nên nói là Đốn giáo. Nếu nói về cơ, nói về giáo, chưa khỏi kim quyền, nghĩa là vẫn lúc phát tâm liền thành Chánh giác, là nói Viên giáo cho người căn tròn đầy, các kinh nói hành bố thứ tự chính là vì quyền cơ mà nói Biệt giáo, cho nên nói theo bộ thì đốn, cảnh, pháp chẳng phải một cho nên nói là Quảng,

đều là thật tướng nên gọi là Cao.

Kinh Niết-bàn chép: Giống như sữa xuất xứ từ bò, đây từ Phật nói ra mười hai bộ kinh (một là vị sữa). Phẩm Tín Giải của kinh pháp Hoa chép: Liền sai bằng nhân nhanh chóng tìm đem về, cùng tử kinh sợ kêu oan khóc to, đây là nghĩa gì ?

Đáp: Các Thanh văn ngồi trên tòa như điếc như câm.

Thứ hai là Tiệm giáo (từ đây trở xuống ba thời tam-muội gọi chung là Tiệm). Kế là căn tánh Ba thừa vì đối với Đốn vô ích. Bất động tịch tràng đạo chơi Lộc Uyển, cởi bỏ y phục hoàng tộc, mặc vào y phục trượng lục tỳ cấu. Bảo cho biết từ trời Đâu-suất giáng xuống gá vào thai Hoàng hậu Ma-da. Trụ thai, xuất thai ở trong sinh tử, sau sáu năm xuất gia khổ hạnh, dưới cây Bồ-đề lấy cỏ làm tòa, thành thân liệt ứng. Đầu tiên tại vườn Nai nói pháp Tứ Đế, thập nhị nhân duyên năm người nghe, sáu Độ cho nếu theo thời thì mặt trời chiếu đến thung lũng tối tăm (thời thứ hai). Nếu theo vị thì từ vú cho ra sữa. Đây từ mười hai bộ kinh mà ra chín bộ Tu-Đa-la (hai là vị lạc). Phẩm Tín Giải chép: Nếu dùng phương tiện thăm sai hai người (Thanh văn, Duyên giác) hình sắc tiêu tụy không có oai đức rằng người hãy đến chỗ kia từ từ nói với cùng tử thuê ông hót phân. Đây là nghĩa gì ?

Đáp: Kế sau độn là nói Ba tạng giáo. Trong mười hai năm thường sai hót phân tức là nghĩa phá kiến, tư, phiền não. Kế là nói bộ Phương Đẳng, kinh Tịnh Danh phê bình nghiêng lệch bề gãy Tiểu thừa, khen ngợi Đại thừa bao bọc Viên giáo. Bốn giáo đều nói: Tạng là giáo Bán tự, nếu theo thời là thời ăn (thời thứ ba). Nếu theo vị thì từ lạc ra bơ. Đây từ chín bộ mà sinh ra Phương Đẳng (ba là vị bơ sống) phẩm Tín Giải chép: Lỗi là sau tâm tướng thể tin ra vào không khó. Nhưng chỗ của nó vẫn ở tại chỗ cũ. Đây là nghĩa gì ?

Đáp: Nói sau Phương Đẳng kế đến nói Bát-nhã. Quán trí tuệ của Bát-nhã tức là gia nghiệp. Không sinh, Thân tử nhận sắc lệnh chuyển giáo, tức là lãnh hội hiểu biết, ba vị trên đối với Hoa Nghiêm Đốn giáo gọi chung là Tiệm. Thứ ba là Bí mật giáo. Như trong bốn thời trước vì Như Lai ba lần xoay bánh xe pháp không thể nghĩ bàn, hoặc vì người này mà nói Đốn, hoặc vì người kia mà nói Tiệm. Kia đây không biết nhau có thể khiến lợi ích cho nên nói giáo bí mật. Từ Bất định giáo cũng vì trong bốn vị trước. Phật dùng một âm thanh nói pháp chúng sinh tùy theo mỗi loại mà được hiểu. Đây là năng lực không thể nghĩ bàn của Như Lai có thể khiến cho chúng sinh ở nơi Tiệm nói Đốn được lợi ích, đối với Đốn mà nói Tiệm được lợi ích. Như vậy được lợi ích không

giống nhau, cho nên nói Bất Định giáo. Nhưng hai giáo bí mật và bất định, dưới nghĩa lý của giáo chỉ là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Hóa Nghi Tứ giáo, tế ngang đây. Kế là nói Pháp Hoa trước khai mở đốn tiệm, hội nhập phi đốn phi tiệm. Cho nên nói khai quyền bày thật. Lại nói pháp quyền lập thật. Lại nói hội ba quy về một. Nói quyền thật là gọi chung nay và xưa. Ý nghĩa không giống, nghĩa là Pháp Hoa quyền thật không giống. Đại tiểu dung nhau. Như thời Hoa Nghiêm nhất quyền nhất thật (Viên, Thật, Biệt, Quyền) mỗi cái không tức nhau, vì đại không nạp tiểu.

Tiểu tuy ở chỗ ngồi mà như điếc như câm, cho nên pháp môn nói ra tuy rộng lớn viên mãn, thâm nhiếp căn cơ bất tận, không thông suốt bốn hoài xuất thế của Như Lai là vì sao? Đầu tiên, Đốn bộ có một thô (Biệt giáo) một diệu (Viên giáo) một diệu tức không hai không khác với Pháp Hoa. Nếu là một thô tu thì phải đợi Pháp Hoa khai hội phước bỏ, mới được gọi là Diệu, kể đến vườn Nai chỉ là thô không diệu (Tạng giáo) kể đến ba thô Phương đẳng (Tạng, Thông, Biệt) một diệu (Viên giáo) kể là hai thô của Bát-nhã (Thông, Biệt) một diệu (Viên giáo) cho đến trong hội Pháp Hoa tổng khai hội phước bỏ bốn vị thô trước. Khiến thành nhất thừa vi diệu. Các vị Viên giáo không cần khai nữa. Vốn tự viên dung không đợi khai. Nhưng nội bộ đều chỉ là đối đãi. Cho nên không bằng Pháp Hoa thuần nhất không tạp, được gọi là Diệu thật có y cứ. Cho nên văn chép: Trong cõi Phật mười phương chỉ có một thừa pháp, không hai cũng không ba (Nhất giáo). Chánh bỏ ngay phương tiện. Chỉ nói đạo vô thượng (nhất hành) chỉ làm Bồ-tát, không làm Tiểu thừa (Nhất thừa), tướng thế gian thường trụ (nhất lý) lúc con người chưa được yếu chỉ mâu nhiệm của kinh pháp Hoa chỉ thấy nội bộ có ba xe, thí như cùng tử hóa thành, cho đến nói không bằng kinh khác. Vì không biết đưa ra bốn thời quan trọng ở trước quyền, độc, hiển, đại xa. Nhưng dựa vào gia nghiệp chỉ đến đảo châu báu cho nên dẫn đến lỗi phỉ báng. Theo thời thì mặt trời quay vào lúc ngọ, rỗng không chẳng có hình bên cạnh (thời thứ năm) theo vị thì thời thuộc bờ sinh ra đề hồ. Đây từ Ma-ha Bát-nhã sinh ra Pháp Hoa (năm vị đề hồ). Phẩm Tín Giải chép: Tự hội thân tộc tức là tuyên ngôn. Đây thật là con ta, ta thật là cha nó. Nay những gì ta có đều thuộc về con ta, giao phó gia nghiệp. Cùng tử vui mừng được điều chưa từng có. Đây là nghĩa gì?

Đáp: Tức sau Bát-nhã, kể nói về Pháp Hoa. Trước đã lãnh biết kho tàng các vật, đến lúc qua đời đều giao phó gia nghiệp mà thôi. Thí như trước chuyển giáo đều biết pháp môn. Lúc nói Pháp Hoa khai thị

ngộ nhập tri kiến Phật, thọ ký thành Phật mà thôi. Kế là nói Đại Bát-nhã có hai nghĩa: Một là vị thực, lại nói bốn giáo bàn luận tánh thật đầy đủ, khiến đầy đủ chân thường nhập Đại Bát-nhã, cho nên gọi là lược nhất, thu thập giáo. Hai là mặt đại độn căn đối với Phật pháp, sinh ra kiến chấp đoạn diệt, tai vạ thương tổn tuệ mạng, đánh mất Pháp thân. lập ra ba loại quyền, phò nhất viên thật, cho nên gọi là nâng đỡ giới luật, bàn về pháp thường. Nhưng nếu bàn luận thời vị đồng với Pháp Hoa, nói về nội bộ đều tạp có một ít khác, cho nên văn chép: Từ Ma-ha Bát-nhã có ra Đại Bát-nhã. Trước hội pháp Hoa, kinh này là thời thứ năm. hỏi rằng: kinh này đầy đủ bốn giáo cho bộ Phương Đẳng đều nói bốn giáo là đồng hay khác?

Đáp: Tên đồng nghĩa khác. Trong phần thứ tư của Phương Đẳng viên thì đầu và sau đều biết thường. Biệt thì đầu biết, sau không biết. Tạng Thông tức đầu và sau đều không biết. Trong phần thứ tư của kinh Niết-bàn đầu và sau đều biết.

Hỏi: Đem năm vị đối với năm thời giáo, ý việc đó như thế nào?

Đáp: Có hai, một chỉ lấy lần lược sinh nhau, nghĩa là nói con bò dụ cho Phật. Năm vị dụ cho giáo. Sữa từ bò mà có, lạc từ sữa mà có, hai thứ bơ, đề hồ lần lược không lẫn lộn cho nên hiển rõ năm thời lần lược sinh nhau. Hai là lấy đậm nhạt của nó. Đây tức là lấy một lần căn tánh thấp kém, cho nên nói căn tánh Nhị thừa. Tại tòa Hoa Nghiêm, phạm tình không tin không hiểu, không thay đổi, cho nên ví cho sữa, kế là nghe Ba tạng giáo ở vườn Nai. Căn tánh Nhị thừa nương giáo tu hành, chuyển phạm thành thánh, cho nên ví như chuyển sữa thành lạc. Kế đến nghe Phương Đẳng bác bỏ Thanh văn kính mến Đại thừa, chê bai Tiểu thừa được lợi ích Thông giáo, như chuyển lạc thành bơ sống. Kế là Bát-nhã nêu ra sắc lệnh chuyển giáo. Tâm dần dần thông thái, được lợi ích Biệt giáo như chuyển bơ sống thành bơ chín. Kế là nghe ba lần nói pháp, kinh Pháp Hoa được thọ ký thành Phật, như chuyển bơ chín thành Đề Hồ. Theo căn đốn này, kinh có đủ năm vị, kế đó là hoặc một, hai, ba, bốn. Trên kia đạt được căn tánh, mỗi vị được nhập vào pháp giới thật tướng, đâu cần phải đợi Pháp Hoa khai hội. Trước kia đã ghi lại năm vị năm thời thay đổi thông thái Tứ giáo, đại cương như thế. Từ đây trở xuống nói thay đổi pháp Tứ giáo. Thứ nhất là Ba tạng giáo, một là tạng Tu-đa-la (kinh tứ A-hàm) Hai tạng A-tỳ-đàm (luận Câu-xá, bà-sa) Ba là tạng Tỳ-Ni (năm bộ luật). Ba Tạng này gọi chung Đại thừa và Tiểu thừa. Nay lấy Ba tạng Tiểu thừa. Luận Đại Trí Độ chép: Ca-Chiên-diên tử tự cho mình căn tánh thông minh lanh lợi, đối với Bà-Sa nói

nghĩa Ba tạng không đọc giảng kinh chẳng phải là Đại Bồ-tát. Lại nữa, Pháp Hoa chép: Học giả mê đắm Ba tạng tiểu thừa vì nương vào văn này, Đại sư gọi Tiểu thừa là Ba tạng giáo. Đây có căn tánh ba thừa. Đầu tiên Thanh văn giáo điển Tứ đế sinh diệt. Nói bốn đế: một là khổ đế, hai mươi lăm hữu nương vào chánh báo và y báo. Nói hai mươi lăm hữu là bốn châu, bốn đường ác, sáu dục, tịnh phạm thiên, Bốn thiên, Bốn không xứ, Na-hàm vô tướng (Bốn châu, bốn đường ác thành tám, sáu dục và tịnh phạm vương thành mười lăm, bốn thiên bốn không xứ thành hai mươi ba, trời Vô Tướng và Na-hàm thành hai mươi lăm) Riêng thì hai mươi lăm hữu mà chung thì sáu đường sinh tử, một đường địa ngục, tiếng phạm là Nại-lạc-ca, còn gọi là Nê-lê, Hán dịch là đầy đủ các sự khổ, mà nói địa ngục. Chỗ này ở dưới đất nên gọi là địa ngục, nghĩa là ngục lớn có tám lạnh tám nóng, mỗi ngục có quyền thuộc loại của nó nhiều vô số. Người ở trong đó chịu khổ, tùy theo nghiệp của họ mà mỗi người có nặng có nhẹ. Trải qua rất lâu, chỗ này càng nặng, mỗi ngày trong đó sống chết tám mươi bốn ngàn lần. Trải qua vô số kiếp gây ra năm tội nghịch, mười ác, thượng phẩm chiêu cảm thân đường này. Hai đường súc sinh cũng gọi là bàng sinh. Đường nào cùng khắp các xứ, mang lông đội sừng, mai, vẩy, lông cánh, bốn chân, nhiều chân, có chân không chân, dưới đất trên không, nhai nuốt lẫn nhau, chịu khổ vô cùng. Ngu si tham dục do năm tội nghịch, mười điều ác cảm thân này. Ba là đường ngạ quỷ, tiếng phạm gọi là Xà-Lê-Sĩ. Đường này cũng biến khắp các đường, có phước đức làm thân miếu, mồ mả ở núi rừng. Không có phước đức thì ở chỗ bất tịnh, không được ăn uống, thường bị đánh đập, mang vác lấp sông lấp biển, chịu khổ vô lượng, tâm ý nịnh nót lừa bịp làm năm tội nghịch, mười điều ác hạ phẩm chiêu cảm thân đường này. Bốn là đường A-tu-la, Hán dịch là Vô tửu, vô đoan chánh, phi trời. Hoặc ở bờ biển, đáy biển, cung điện nghiêm sức. Thường ưa chiến tranh sợ hãi cùng cực, ở lúc gieo nhân có tâm ganh ghét. Tuy thực hành Năm điều thường mà muốn hơn người khác, làm mười thiện ở phẩm dưới cảm được thân đường này. Bốn châu khác nhau. Nghĩa là châu Phát-Bà-đề ở phía Đông (thọ 550 tuổi) Nam Diêm-phù-đề (thọ 100 tuổi) Cù-Na-Di (thọ 500 tuổi) Bắc Uất-đơn-việt (thọ 1000 tuổi) mạng vô trung thiên, bậc thánh không ở trong đó, tức là một trong tám nạn) đều giữa tướng khổ và vui, lúc tạo nhân thực hành năm thường năm giới. Năm thường nghĩa là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Năm giới là không sát sinh, không trộm cướp không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Thực hành mười điều lành thuộc phẩm trung, cảm được thân đường này. Sáu đường trời

hai mươi tám cõi trời không giống nhau (sáu tầng trời cõi dục, mười tám tầng trời ở cõi sắc, bốn tầng trời cõi vô sắc). Đầu tiên, sáu tầng trời cõi dục, một là trời Tứ Thiên Vương (ở núi Tu-di), hai là trời Đao-lợi (ở chóp núi Tu-di, tự có ba mươi ba cõi trời hai cõi trời trên tu thiền thượng phẩm, mười điều thiện được sinh về đó), ba là trời Dạ-ma, bốn là trời Đâu-suất, năm là trời Hóa Lạc, sáu là trời Tha Hóa Tự Tại (bốn cõi trời trên ở giữa hư không, tu thập thiện thượng phẩm và tọa vị chí định được sinh về đó). Kế là mười tám tầng trời thuộc cõi sắc, chia làm bốn thiên. Sơ thiên Tam thiên (Phạm chúng, Phạm phụ Đại phạm), nhị thiên, Tam thiên (Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang âm), tam thiên tam thiên (Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh), Tứ thiên cửu thiên (Vô vân, Phước sinh, Quảng quả). Tam Thiên trên là trụ xứ của phạm phu tu thượng phẩm, thập thiện, ngôi thiên được sinh về đó, chỗ cư trú của trời Vô Tướng, ngoại đạo, thượng phẩm năm trời thượng phẩm trên ở quả thứ ba. Chín cõi trời trên li dục, thô tán chưa ra khỏi sự ràng buộc của Sắc nên gọi là cõi sắc, ngôi được thiên định cho nên gọi là định) Ba là tứ thiên ở cõi vô sắc (Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bốn cõi trời trên chỉ có âm mà vô sắc uẩn nên được gọi như vậy. Từ trên đến đây là giải thích từ địa ngục cho đến trời Phi phi tưởng, tuy nhiên khổ vui khác nhau, chưa thoát sinh mà đã chết, chết rồi lại sinh, nên gọi là Sinh tử. Đây là Tạng giáo thật có khổ đế, hai là tập đế tức là kiến tư hoặc lại nói kiến tu, lại nói từ tánh, lại nói nhiễm ô vô tri, lại nói thủ tướng cảm, lại nói chi mạng vô minh, lại nói thông cảm, lại nói giới nội cảm. Tên gọi khác nhau, chỉ là thấy biết, suy nghĩ. Đầu tiên là giải thích kiến hoặc, có tám mươi tám sử, gọi là tám mươi tám gồm: một là thân kiến, hai là biên kiến, ba là kiến thủ, bốn là giới thủ, năm là tà kiến (những thứ trên là lợi sử), sáu là tham, bảy là sân, tám là si, chín là mạn, mười là nghi (những thứ trên là độn sử), mười sử này trải qua ba giới bốn đế dưới thêm lớn khác nhau thành ra tám mươi tám. Nghĩa là khổ ở cõi dục mười sử đều đủ. Tập, diệt mỗi thứ có bảy sử, trừ thân kiến, biên kiến. Bốn đế dưới gộp thành ba mươi hai. Hai giới trên bốn đế dưới những thứ khác như cõi dục, chỉ mỗi đế dưới trừ sân, cho nên mỗi giới thứ có hai mươi tám. Hai giới hợp thành năm mươi sáu thêm ba mươi hai trước cộng thành tám mươi tám sử. Hai là nói tư hoặc có tám mươi mốt phẩm. Nghĩa là ba giới chia làm chín địa. Cõi Dục chia làm một địa, Tứ thiên, Tứ định là tám, cộng lại chín địa. Trong một địa ở cõi dục có chín phẩm tham, sân, si, mạn. Nói chín phẩm là thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, Trung thượng, trung trung, trung hạ, hạ

thượng, hạ trung, và hạ hạ. Tám địa trên mỗi địa có chín phẩm, trừ sân cho nên thành tám mươi mốt. Từ trên đến đây kiến tư khác nhau. Gom chung là Tạng giáo thật có Tập đế. Ba là diệt đế, Diệt khổ tập ở trước, hiển bày phía chân lý, nhờ diệt mà hội chân, diệt phi chân lý. Bốn đạo đế lược thì giới, định, tuệ rộng thì ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba mươi bảy phẩm trợ đạo ở đây chia làm bảy khoa.

I. Bốn Niệm xứ gồm: Quán thân bất tịnh (sắc uẩn), quán thọ là khổ (thọ uẩn), quán tâm vô thường (thức uẩn), quán pháp vô ngã (tướng hành uẩn).

II. Bốn Chánh cần: một chưa sinh ác đừng để sinh, hai là đã sinh ác thì làm cho diệt, ba là điều lành chưa sinh làm cho sinh, bốn là điều lành đã sinh làm cho phát triển nhiều.

III. Bốn Như ý túc (dục, niệm, tấn, tuệ)

IV. Năm căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ)

V. Năm lực (giống trên nhưng gọi là lực)

VI. Bảy Giác chi (niệm, trạch pháp, tấn, hỷ, khinh an, định, xả)

VII. Tám Chánh đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh định, chánh niệm, chánh mạng) bảy khoa trên đã xong tức là Tạng giáo sinh ra diệt đế, đạo đế. Như vậy trước đưa ra Tứ đế gọi là số chung với Ba giáo dưới nhưng tùy theo giáo rộng, hẹp, hơn, kém. Sinh diệt, vô sinh, vô lượng, vô tác khác nhau, cho nên hướng về dưới gọi là số càng không bày ra, nhưng trong bốn đế chia ra thế và xuất thế. Hai đế trước là nhân quả thế gian (diệt là quả, đạo là nhân), hai thứ sau là nhân quả xuất thế gian.

Hỏi: Vì sao thế và xuất thế quả trước nhân sau?

Đáp: Thanh văn căn độn biết khổ đoạn tập, kính mến quả mà tu nhân cho nên như vậy. Lược nói ngôi vị Tạng giáo của người tu hành. Đầu tiên nói ngôi vị Thanh văn chia làm hai. Một là phàm, hai là Thánh. Phàm lại chia làm hai ngoại phàm và nội phàm. Giải thích ngoại phàm tự chia làm ba. Đầu tiên là năm pháp quán dừng tâm. Một là quán chúng sinh bất tịnh để dẹp trừ tâm ham muốn. Hai là quán Từ bi đối trị đa sân, ba là quán số tức để đối trị tán loạn, bốn là quán nhân duyên để đối trị ngu si, năm là quán niệm Phật để đối trị đa chướng. Hai là biệt tướng niệm xứ (Bốn Niệm xứ như trước), ba là tổng tướng niệm xứ. Một là quán thân bất tịnh; Thọ, Tâm, pháp đều bất tịnh, cho đến quán pháp vô ngã. Thân, Thọ, Tâm cũng vô ngã, trung gian lệ tri (ba khoa trên gọi là ngoại phàm, cũng gọi là tư liệu vị). Hai là nói nội phàm có bốn. Nghĩa là Noãn, Đảnh, Nhãn Thế đệ nhất (bốn vị này là nội phàm, cũng gọi là Gia

hạnh vị). Từ trên đến đây nội phạm và ngoại phạm gọi chung là Phạm vị, cũng gọi là Thất phương tiện vị. Kế là nói Thánh vị cũng chia làm ba: Một là kiến đạo (Sơ quả) hai là tu đạo (Nhị, Tam quả) ba là vô học đạo (Tứ quả). Một là Tu-đà-hoàn Hán dịch là Đảnh Lưu. Vị này dứt ba cõi tám mươi tám sử kiến hoặc, thấy chân đế cho nên gọi là Kiến đạo. Lại gọi là thánh vị. Hai là Tư-đà-hàm. Hán dịch là Nhất lai, địa vị này dứt dục còn sót Tư, tiến đến dứt tám địa tứ trên. Bốn là A-la-hán, Hán dịch là Vô học lại dịch là Vô sinh, lại dịch là sát tặc, lại dịch là Ứng cúng. Địa vị này dứt kiến tư đều hết. Mâm phước đã dứt thì quả phước do đâu mà còn? Gọi là Niết-bàn hữu dư. Nếu thân tàn trí diệt gọi là Niết-bàn vô dư lại gọi là cô điều giải thoát. Lược nói địa vị rốt ráo của Thanh văn, kế là nói Duyên giác, cũng gọi là độc giác. Gặp Phật ra đời theo giáo pháp mười hai nhân duyên. Một là vô minh (phiền não chướng, phiền não đạo), hai là hành (nghiệp chướng, nghiệp đạo, hai chi này thuộc quá khứ), ba là thức (dựa vào thai và một phần khí đức), bốn là danh sắc (danh là tâm, sắc là chất), năm là sáu nhập (sáu căn thành trong bào thai), sáu là xúc (xuất thai), bảy là thọ (lãnh nạp cảnh tốt xấu trước mắt từ thức đến Thọ gọi là năm quả hiện tại) tám là ái (ưa sắc nam nữ vàng bạc, tài vật) chín là thủ, hễ thấy tất cả cảnh đều sinh tâm mê đắm, hai nhân vị lai này đều thuộc phiền não, như vô minh quá khứ), mười là hữu (Nghiệp đã thành tựu là nhân vị lai, thuộc nghiệp đạo như việc làm của quá khứ), mười một là sinh (thọ sinh vị lai), mười hai là già chết. Đây là cảnh sở diệt của bốn đế trước, là khai hội khác. Nói khai hội nghĩa là vô minh, hành, ái, thủ, hữu. Năm chi này hợp thành tập đế, bảy chi khác hợp thành khổ đế. Đã tên khác nghĩa đồng, vì sao nói là trọng? Vì có mấy trường hợp không giống, Duyên giác, các vị trời quán tập đế nên gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức, cho đến sinh duyên già chết. Đây là sinh khởi, nếu hành giả quán diệt thì hết vô minh tức hết hành, cho đến hết sinh thì hết già chết. Nhờ quán mười hai nhân duyên mà biết lý chân đế, cho nên nói Duyên giác. Nói độc giác nghĩa là ra đời không gặp Phật, một mình ở trên núi cao quán sự thay đổi của vật tự mình biết Vô sinh, nên gọi là Độc giác. Hai tên gọi chẳng giống nhau mà hạnh vị chẳng khác. Người này dứt kiến tư ba cõi đồng với Thanh văn, lại xâm nhập tập khí cho nên ở trên Thanh văn. Kế là nói địa vị của Bồ-tát. Từ sơ phát tâm duyên cảnh Tứ đế, phát bốn thệ nguyện rộng lớn, tu hạnh sáu Độ. Một người chưa được độ khiến được độ, tức chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Đây là duyên cảnh khổ đế, hai là người chưa hiểu khiến cho họ hiểu. Tức là phiền não vô tận thệ

nguyện dứt. Đây là duyên cảnh tập đế. Ba là người chưa được an giúp cho được an, tức pháp môn vô lượng thế nguyện học. Đây là duyên cảnh đạo đế. Bốn là người chưa được Niết-bàn thì giúp cho được Niết-bàn. Tức là Phật đạo vô thượng thế nguyện thành. Đây là duyên theo cảnh diệt đế. Đã phát tâm rồi tu hành hạnh nguyện. Đối với ba A-tăng-kỳ kiếp tu hạnh sáu Độ, trăm kiếp gieo giống tốt. Nói ba A-tăng-kỳ kiếp vả lại, theo Đức Thích-ca lúc tu đạo Bồ-tát. Luận phân hạn từ xưa Phật Thích-ca cho đến Thi-khí trải qua bảy muôn năm trăm Phật gọi là sơ A-tăng-kỳ, từ đây thường lia thân nữ và từ đường ác, thường tu sáu Độ, nhưng tự mình không biết đang thành Phật. Nếu đối với địa vị Thanh văn tức là năm pháp quán dừng tâm, tổng biệt niệm xứ (ngoại phàm). Kế đến từ Phật Thi-khí cho đến Phật Nhiên Đăng đến bảy muôn sáu ngàn Phật, gọi là đệ nhị. Thời này dâng bảy hoa sen cúng dường, trải tóc đắp bùa được thọ ký riêng, hiệu là Thích-ca. Bấy giờ, tự biết thành Phật. Miệng chưa thể nói. Nếu đối với địa vị Thanh văn tức Noãn vị. Kế là từ Phật Nhiên Đăng cho đến Phật Tỳ-bà-thi trải qua bảy muôn bảy ngàn Phật, gọi là A-tăng-kỳ thứ ba mãn. Thời này tự biết cũng hưởng về người nói sẽ thành Phật, tự người khác không nghi. Nếu đối với địa vị Thanh văn tức Đảnh vị. Qua thời gian như lời hứa xong lại trụ trăm kiếp, gieo nhân tướng tu trăm phước thành một tướng. Phước nghĩa nhiều đường, khó có thể phán định, có thuyết nói ngàn người mù trị khác nhau mà làm một việc phước. Tu hành sáu Độ mỗi độ có lúc đầy đủ. Như vua Thi-tỳ thay chim bồ câu mà Đàn Mãn, mọi người đều nói vua bỏ nước Thi-Mãn. Tiên nhân Sần-Đề bị vua Ca-lợi cắt đứt tay chân từng đoạn mà vẫn được vô sinh nhẫn. Thái tử mở hội đại thí nhiều như số giọt nước biển, suốt bảy ngày khen ngợi Phật Hà sa. Còn Xà-lê ngồi thiền chim thước làm tổ trên đầu. Đại thần Cù-tần chia Diêm-phù-đề ra làm bảy phần dứt tịnh trí mãn. Đối với địa vị sơ Thanh văn là hạ nhẫn vị. Kế đến là nhập bổ xứ sinh lên cõi trời Đâu-suất, vào thai xuất thai, xuất gia hàng ma, an tọa bất động, lia trung nhẫn vị, kế đến là một sát-na nhập thượng nhẫn vị. Lại một sát-na nhập thế đệ nhất vị, phát chân vô lậu, ba mươi bốn tâm, đốn đoạn tập khí kiến tư. Ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, trải cỏ làm tòa, thành thân Phật liệt ứng tượng lục. Nhận lời thỉnh của Phạm Vương ba lần xoay bánh xe pháp, độ ba căn tánh, trụ thế tám, mười năm, hiện tướng Tỳ-Kheo già, như củi hết lửa tắt, nhập vào Niết-bàn vô dư tức là Ba tạng quả Phật. từ trên đến đây giải thích ba hạng của người tu hành. Chứng quả tuy không giống nhưng đồng dứt kiến tư, đồng vượt ra ba cõi, đồng chứng thiên chân, chỉ đi ba trăm do-

tuần mà vào được hóa thành. Lược nói Tạng giáo đã xong, kế là nói Thông giáo, Thông tạng giáo trước, Thông, Biệt, Viên sau nên gọi là Thông giáo. Lại từ đương giáo mà được gọi tên. Nghĩa là ba người dùng đạo vô ngôn để nói. Thể sắc nhập không, nên gọi là Thông giáo. Nương theo kinh Đại Phẩm, Thập địa, Càn tuệ tức giáo này là địa vị kế. Một Càn tuệ địa, chưa có lý nước cho nên được tên đó. Tức là địa vị ngoại phạm cho Tạng giáo, năm pháp dừng tâm, tổng biệt ba địa vị đồng nhau. Hai là tánh địa tương tự được pháp tánh nước, hàng phục kiến tư hoặc, tức địa vị nội phạm cho Tạng giáo từ gốc lành bằng nhau. Ba là nhân địa, bốn là kiến địa, hai địa vị này nhập vào tam-muội Vô gián dứt hết tám mươi tám kết sử trong ba cõi. Phát chân vô lậu thấy lý chân đế, cho Sơ quả Tạng giáo bằng nhau. Năm là bạc địa, dứt chín phẩm Tư cõi dục và sáu phẩm trước, cho hai quả Tạng giáo bằng nhau. Sáu là li dục địa, dứt chín phẩm tư ở cõi dục, cho ba quả Tạng giáo bằng nhau. Bảy là dị biện địa, dứt hết kiến tư hoặc, chỉ dứt chánh sử, không thể xâm tập, như đốt củi thành than, cho bốn quả Tạng giáo bằng nhau. Địa vị Thanh văn bằng ở đây. Tám là Bích-chi-phật địa, càng xâm nhập tập khí như đốt than thành tro. Chín là Bồ-tát địa, chánh sử dứt hết, cho hai thừa giống nhau. Nhờ vào tập khí nhuận sinh đạo quán đều lưu, du hý thần thông thanh tịnh cõi Phật. Mười là Phật địa, cơ duyên thuần thực, dùng một niệm tương ứng liền dứt các tập khí còn sót lại, ngồi dưới tòa Bồ-đề bảy báu lấy thiên y làm tòa, hiện mang liệt thắng ứng thân thành Phật. Vì căn tánh Ba thừa mà xoay bánh xe pháp tứ đế vô sinh, duyên đã hết, nhập vào Niết-bàn, chánh tập đều dứt như than tro đều dứt. Kinh nói: Ba con thú qua sông là voi, ngựa và thỏ. Ví dụ dứt hoặc không giống. Lại nữa kinh nói: Thật tướng các pháp Ba thừa đều được, cũng không gọi là Phật, chính là giáo này. Ba thừa giáo này nhân đồng quả khác. Chứng quả tuy khác nhưng đồng dứt kiến tư, đồng nêu ra phân đoạn, đồng chứng thiên chân. Nhưng đối với Bồ-tát trong đó có hai loại, đó là lợi, độn. Độn là chỉ thấy không mà không thấy chẳng không, chỉ thành quả đương giáo đầu Phật, hành nhân tuy khác mà quả và Tạng giáo đều đồng, cho nên nói thông trước. Nếu Bồ-tát lợi căn chẳng phải chỉ thấy không mà thấy cả bất không thì bất không tức là trung đạo chia làm hai loại là chỉ và không chỉ. Nếu thấy chỉ thì Biệt giáo đến tiếp. Nếu thấy không chỉ thì Viên giáo đến tiếp, cho nên nói chung với sau.

Hỏi: Địa vị nào được tiếp? Tiến nhập vào địa vị nào?

Đáp: Tiếp người ba căn khác nhau. Như Tam địa từ địa bị tiếp ở thượng căn, người Ngũ địa, Lục địa ở trung căn và người Thất địa,

Bát địa ở hạ căn chỗ tiếp chân giáo dường như không giống nhau. Nếu giống địa vị được tiếp thì riêng Thập hồi hương tròn đầy địa vị Thập tín. Nếu địa vị chân thọ tiếp thì riêng Sơ địa tròn đầy Sơ trụ.

Hỏi: Tạng này chung với hai giáo, đồng là Ba thừa, đồng dứt Tứ trụ chỉ nêu ra ba cõi đồng chứng thiên chân, đồng qua ba trăm do-tuần, đồng vào hóa thành vì sao chia làm hai?

Đáp: Thật như chỗ hỏi, nhưng đồng mà khác, Đại tiểu khéo vụng khác hẳn nhau. Hai giáo này là giới nội giáo, tạng là giới nội, hơi vụng về. Không chung với Đại nên gọi là Tiểu, bổ sắc nhập không nên gọi là vụng. Ba người của giáo này tuy thuộc giáo nội nhưng có thượng trung hạ khác nhau. Đối với về ba người này nhất thể độn căn cho nên phải phân tích phá bỏ. Thông giáo thì giới nội rất khéo léo. Đại nghĩa là Đại thừa sơ môn. Xảo là thể sắc nhập vào không môn. Tuy ba người trong giáo thượng, trung, hạ khác nhau nhưng đối với Tạng giáo thì một mặt là thuần lợi. Hỏi: giáo đã là Đại thừa vì sao có người Nhị thừa.

Đáp: Trong Cửa châu Tước ngại gì mà không có người dân ra vào? Cho nên người tuy có Tiểu giáo định là đại. Đại thừa và Tiểu thừa dần dần dẫn vào thật, há không phải thông minh lanh lợi hay sao? Bộ nội Bát-nhã, Phương Đẳng cùng Bát-nhã tức là giáo này. Lược nói Thông giáo đã xong.

Kế là nói Biệt giáo. Giáo này nói riêng pháp của Bồ-tát thuộc giới ngoại. Trí giáo lý đoạn nhân quả hành vị, riêng trước là hai giáo, riêng sau là Viên giáo, nên gọi là Biệt giáo. Kinh Niết-bàn chép: Tứ đế nhân duyên có vô lượng tướng, Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết. Các kinh Đại thừa nói Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành hạnh vị, thứ lớp đều không nhiếp nhau. Đây đều là tướng của Biệt giáo. Hoa Nghiêm nói Thập trụ, Thập Hạnh, Thập hồi hương đều là Hiền. Thập địa là Thánh, Diệu giáo là Phật, Anh Lạc là địa vị thứ năm mươi hai Kim Quang Minh, chỉ nêu ra Thập địa quả Phật. Thắng Thiên Vương nói là Thập địa, Niết-bàn nói là năm hạnh. Như vậy các kinh xê xích khác nhau. Bồ-tát giới ngoại tùy căn cơ lợi ích đâu thể nói nhất định. Nhưng vị thứ đều đủ không vượt quá kinh Anh Lạc, cho nên nay nương kia nói lược lịch tiếp của Bồ-tát dứt tướng chứng được năm mươi hai địa vị, gom làm bảy khoa, là Tín, Trụ, Hạnh, Hương, Địa, Đẳng, Diệu, lại hợp bảy khoa làm hai: Một là phàm, hai là thánh, phàm lại chia làm hai: Tín là ngoại phàm, Trụ, Hạnh, Hương là nội phàm, cũng gọi là Hiền. Theo Thánh cũng có hai: Thập địa, Đẳng giác là nhân, Diệu giác là quả. Phần lớn chia như thế. Từ đây trở xuống là giải thích chi

tiết. Đầu tiên nói về Thập tún. Một là tún, hai niệm, ba tinh tấn, bốn Tuệ, năm định, sáu Bất thoái, bảy Hồi hướng, tám Hộ pháp, chín Giới, mười Nguyện. Mười địa vị này hàng phục phiền não kiến tư ở ba cõi giới cho nên gọi là Phục nhĩn vị (ngoại phạm) của Tạng giáo, Thất hiền vị Thông giáo, Càn tuệ, tánh địa ngang nhau. Kế là nói Thập trụ. Một là Phát tâm trụ (dứt kiến tư ba cõi, cho Tạng giáo Sơ quả Thông giáo Bát nhân kiến địa ngang nhau). Hai là Trị địa, ba là Tu hành, bốn Sinh quý, năm Cụ túc phương tiện, sáu Chánh tâm, bảy Bất thoái (sáu trụ trên dứt tư hoặc ba cõi được địa vị Bất thoái, kiến tư giống với kiến tư). Tám Đồng chân, Chín Pháp vương tử, mười Quán dẫn (ba trụ trên dứt trần sa nội giới, hàng phục trần sa ngoại giới, hai thứ trước không biết tên mục) cũng gọi là Tập chủng tánh, dùng bốn giả nhập không quán, thấy lý chân đế, khai tuệ nhĩn, thành Nhất thiết trí, trải qua ba trăm do-tuần. Kế là nói Thập Hạnh: Một là Hoan hỷ, hai là Nhiêu ích, ba là vô vi nghịch, bốn vô khuất nạo, năm Vô si loạn, sáu Thiện hiện, bảy Vô trước, tám Nạn đắc, chín Thiện pháp, mười Chân thật (dứt hoặc trần sa giới ngoại) cũng nói là tánh chủng tánh, từ không nhập giả quán, thấy tục đế, khai pháp nhĩn, thành Đạo chủng trí. Kế là nói Thập hồi hướng: Một là Cứu hộ chúng sinh lìa tướng chúng sinh, Hai Bất hoại, ba Đẳng nhất thiết chư Phật, bốn Chí nhất thiết xứ, năm Vô tận công đức tạng, sáu Nhập nhất thiết bình đẳng thiện căn, bảy Đẳng tùy thuận nhất thiết chúng sinh, tám Chân như tướng, chín Vô phược vô trước giải thoát, mười Nhập pháp giới vô lượng (hàng phục tập khí vô minh trung quán) cũng gọi là Đạo chủng tánh, trải qua bốn trăm do-tuần, ở cõi phương tiện hữu dư (ba mươi địa vị trên là Tam hiền, cũng gọi là Nội phạm, từ Bát trụ đến đây là hành vị bất thoái). Kế là nói Thập địa: một là Hoan hỷ (từ đây dùng trong đạo quán, phá một phần vô minh, hiển một phần ba đức, cho đến Đẳng giác, đều gọi là Thánh chủng tánh). Đây là địa vị kiến đạo, lại địa vị vô công dụng thành Phật ở trăm cõi, tám tướng thành đạo, lợi ích chúng sinh, trải qua năm trăm do-tuần, đầu tiên nhập vào cõi thật báo vô chướng ngại. Một là nhập bảo sở, hai Ly cấu địa, ba Phát quang địa, bốn Diêm Tuệ địa, năm Ly Thắng địa, sáu Hiện tiền địa, bảy Viễn Hành địa, tám Bất động địa, chín Thiện Tuệ địa, mười Pháp Vân địa (chín địa trên mỗi địa dứt một phẩm vô minh, chứng một phần Trung đạo). Lại dứt một phẩm vô minh, nhập địa vị Đẳng giác, cũng gọi là Kim Cương tâm, cũng gọi là Nhất sinh bổ xứ, cũng gọi là Hữu thượng Sở, lại phá một phẩm vô minh, nhập địa vị Diệu giác, ngồi lên tòa Đại Bảo hoa vương dưới cây Bồ-đề bảy báu ở thế giới Liên hoa tạng, hiện

báo thân viên mãn làm chúng Bồ-tát độn căn, xoay bánh xe pháp Tứ đế vô lượng, tức là Phật. Có kinh luận nói: Thất địa ở trước gọi là hữu công dụng đạo, Bát địa trở lên gọi là Vô công dụng đạo. Địa vị Diệu giác chỉ phá một phần vô minh, gọi chung là theo thuyết đạo giáo. Có chỗ nói: Sơ địa dứt kiến, từ Nhị địa đến Lục địa dứt tư, ngang với A-la-hán. Ở đây do mượn địa vị Biệt giáo mà được tên gọi, gọi là địa vị Thông giáo. Có thuyết nói: Ba hiền mười thánh trụ ở quả báo. Chỉ có Phật là người ở tịnh độ. Đây là mượn Biệt giáo mà đặt tên, gọi là địa vị Viên giáo. Như đây mà chia ra nhiều chúng. Phải hiểu rõ địa vị đoạn chứng của giáo ấy đến địa vị nào mới dứt, cảm chứng cái nào và lý ra sao. Đến phán quyết các lời dạy các địa vị đều thông đạt. Lược nói Biệt giáo đã xong. Kế là nói Viên giáo. Viên là viên diệu, viên mãn, viên túc, viên đốn nên gọi là Viên giáo. Cho nên gọi là Viên phục, viên tín, viên đoạn, viên hành, viên vị, viên tự tại trang nghiêm, viên kiến lập chúng sinh. Các kinh luận Đại thừa nói cảnh giới Phật không chung với vị thứ của Ba thừa đều thuộc về giáo này. Bốn chữ khai thị ngộ nhập trong kinh Pháp Hoa. Đối với Viên giáo Trụ, Hạnh, Hưởng, Địa, bốn mươi địa vị này Hoa Nghiêm nói lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác, tất cả tuệ thân không từ người khác mà ngộ. Pháp thân thanh tịnh diệu vắng lặng, thích ứng tất cả. Ở đây nói viên bốn mươi hai vị. Kinh Duy-ma chép: Trong rừng hoa Đắm-bạc không có mùi hôi, chỉ có hương thơm. Người vào trong thất này chỉ nghe mùi hương công đức của chư Phật. Lại nói: Nhập pháp môn bất nhị. Bát-nhã nói Tối thượng thừa, Niết-bàn nói một tâm năm hành. Lại nữa, kinh nói: Có người xuống biển tắm dùng nước của tất cả sông, lại rộng Sa-già-la làm mưa chỉ có biển lớn mới thọ nhận hết, các địa khác không kham nổi. Lại, già hương vạn chung vo thành viên, như đốt một trần đầy đủ các khí. Các loại như vậy đều thuộc Viên giáo. Nay nương theo Pháp Hoa, Anh Lạc lược nói vị thứ có tám. Một địa vị Ngũ phẩm đệ tử (ngoại phạm có ra kinh Pháp Hoa) Hai là địa vị Thập tín (nội phạm) ba là địa vị Thập trụ (sơ thánh) bốn là Thập hạnh, năm là Thập hồi hương, sáu là Thập địa, bảy là Đẳng giác (là nhân của mặt vị) tám là Diệu giác (là quả). Sơ địa vị ngũ phẩm một phẩm tùy hỷ. Kinh nói : Như nghe kinh không chê bai, khởi tâm tùy hỷ.

Hỏi: Tùy hỷ là pháp gì?

Đáp: Diệu pháp, Diệu pháp là tâm này. Diệu tâm thể cụ, như như ý tâm chân; Tâm, Phật và chúng sinh ba pháp không khác nhau. Tâm này tức không, tức giả, tức trung, thường cảnh vô tướng, thường trí vô duyên. Không duyên mà duyên, đều là ba quán, vô tướng mà tướng,

ba đế không khác. Cái biết sơ tâm này là mừng cho mình, mừng cho người, nên gọi là tùy hỷ. Trong dùng ba quán quán cảnh ba đế. Ngoài dùng năm hồi càng thêm tinh tiến, giúp thành lý giải. Nói năm hồi có hai, một là lý, hai là sự. Lý là sám hối. Nếu muốn sám hối phải ngồi thẳng nhớ nghĩ thật tướng, các tội như sương móc, mặt trời trí tuệ lên sẽ tan biến, tức là nghĩa này. Nói sự hồi nghĩa là ngày đêm sáu thời ba nghiệp thanh tịnh. Đối với các bậc tôn tượng trình bày tội lỗi. Từ vô thủy cho đến thọ thân này gây ra tất cả nghiệp như giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp tăng, giết A-la-hán, làm thân phật chảy máu, tà dâm, trộm cắp, nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, ác khẩu, tham, sân, si. Như vậy năm tội nghịch, mười điều ác và tất cả nghiệp khác tùy ý phát lộ không che giấu, tội lỗi dứt hết, cho nên không gây ra nghiệp mới. Như vậy ngoài chương dần dần tiêu trừ, nội quán được sáng tỏ. Như thuận theo dòng mà thuyền, tăng thêm mái chèo, há không nhanh chóng đến chỗ dừng ư? Hành giả tu viên hạnh cũng giống như vậy. Chỉ quán viên lý, sự hành giúp nhau, há không nhanh chóng đến bờ diệu giác? Chớ thấy đây mà cho là Tiệm hạnh. Nghĩa là viên đốn không có hạnh như vậy thì thật là sai lầm. Nếu chỗ nào thiên nhiên Di-lặc, tự nhiên Thích-ca, nếu vừa nghe sinh tử tức Niết-bàn, phiền não tức Bồ-đề, tức tâm là Phật, bất động liền đến, không gia công tu tập liền thành Chánh giác, các thế giới mười phương đều là tịnh độ, xúc hưởng đối diện đều biết. Nay tuy là Phật, đây là lý tức, cũng là câu Pháp thân, không có Pháp thân trang nghiêm làm sao vào cửa tu chứng. Chúng ta là bọn ngu muội, vừa nghe nói không liền phát tâm tu hành, không biết nguyên do của nó, chuột thì chiu dưới hang, chim thì bay trong hư không, có nói rộng trong kinh luật. Tâm tức là hai khuyến thỉnh, khuyến thỉnh các Đức như lại mười phương lưu thân cứu trụ, cứu độ hàm thức. Ba là tùy hỷ, tùy hỷ khen ngợi các gốc lành. Bốn là hồi hướng, tất cả xưng tán là thiện, đều hồi hướng Bồ-đề. Năm là phát nguyện, nếu không phát tâm thì muôn việc không thành, cho nên phát tâm tu để dẫn dắt bốn thứ trước là năm hồi. Từ nay trở xuống các vị thẳng đến Đẳng Giác, gồm dụng năm hồi, lại không tái sinh ví dụ này có thể biết. Hai là phẩm đọc tụng, kinh chép: Huống gì đọc tụng, thọ trì, nghĩa là nội dùng viên quán lại thêm đọc tụng như dầu giúp lửa. Ba là phẩm Thuyết pháp, kinh chép: Nếu có thọ trì, đọc tụng nói cho người khác nghe, trong hiểu rõ chuyển thẳng đạo lợi ích cho người, đổi công quy về tâm mình, gấp bội trước kia, kiêm hạnh sáu Độ. Kinh nói: Huống lại có người trì kinh, thực hành bố thí nhờ phước đức đó cho nên quán tâm gấp bội phần. Năm là chánh hạnh

sáu Độ. Kinh chép: Nếu người đọc tụng, nói cho người nghe, lại có thể trì giới, nghĩa là tự thực hành giáo hóa người, sự lý đều đủ. Quán tâm vô ngại, càng thêm lên đối với trước, không thể ví dụ. Ngũ phẩm vị này viên phục năm trụ phiến não, ngoại phạm vị, cho riêng đồng với Thập tín vị. Kế là tiến vào địa vị sáu căn thanh tịnh, tức là Thập tín. Sơ tín dứt kiến hoặc, hiển chân lý, ngang với sơ quả của Tạng giáo, Bát nhân kiến địa của Thông giáo sơ trụ của biệt giáo, chứng địa vị bất thoái. Kế đến từ Nhị tín cho đến Thất tín dứt hết tư hoặc, ngang với nhị Phật của tạng thông thất trụ của biệt giáo. Ba giới khổ tập dứt hết, không còn gì khác, cho nên Nhị Vương nói: Bồ-tát Thập thiện phát đại tâm, già biệt hẳn biển khổ ba cõi. Giải thích rằng: Thập thiện nghĩa là mỗi pháp đủ mười thiện. Nếu riêng mười Tín tức hàng phục mà không dứt, cho nên định thuộc Viên tín. Nhưng Viên nhân vốn hẹn không dứt kiến tư trần sa. Ý là nhập trụ dứt vô minh, thấy Phật tánh. Nhưng giống như đúc sắt, phần thô cấu trước được bỏ đi, chẳng phải vật đáng ưa. Ý ở nơi thành khí, khí chưa thành tự nhiên bỏ cái trước. Tuy thấy cái trước được bỏ đi nhưng người này trong tâm không có một niệm vui mừng. Vì sao? Vì chưa được chỗ mong mỏi. Hành nhân Viên giáo cũng giống như vậy, tuy chẳng phải điều mong cầu tự nhiên bỏ cái trước. Đại Sư Vĩnh Gia nói đồng dứt bốn trụ chỗ này ngang nhau. Nếu hàng phục vô minh, Ba tạng là khác, tức địa vị này. Giải thích rằng: Bốn trụ chỉ là kiến tư, nghĩa là kiến là một. Gọi kiến là Tất cả xứ trụ địa. Tư hoặc chia làm ba: Một là dục ái trụ địa, chín phẩm tư ở cõi dục. Hai là Sắc ái trụ địa. Tư địa cõi Vô sắc mỗi cái có chín phẩm tư. Từ trụ này Ba tạng Phật cùng sáu căn thanh tịnh mọi người đều dứt cho nên đồng trừ bốn Trụ. Nói nếu hàng phục vô minh ba tạng thì xếp vào vô minh, tức giới ngoại chương biệt cảm của Trung đạo. Ba tạng giáo chỉ nói về nội giới thông cảm. Vô minh gọi tên còn không thể biết, hướng chi là phục đoạn, cho nên nói Ba tạng tắc liệt. Kế là từ địa vị Bát tín đến địa vị Thập tín dứt hết giới nội ngoại, trần sa hoặc. Nếu quán hiện tiền thấy lý trụ đế, khai pháp nhãn, thành đạo chủng trí, đi bốn trăm do-tuần, ngang với bát cửu Thập trụ và địa vị Hạnh, Hưởng của Biệt giáo. Hạnh không lui sụt, kế là nhập sơ trụ, dứt một phẩm vô minh, chứng một phần ba đức. Nghĩa là giải thoát Pháp thân Bát-nhã. Ba đức này không ngang không dọc, như ba điểm của chữ y, ba mắt của thiên chủ, hiện thân ở trăm cõi, tám tướng thành đạo, rộng độ chúng sinh.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác, trí tuệ do tự mình có, không do người khác ngộ, Pháp thân thanh tịnh

mâu nhiệm sáng suốt, ứng với tất cả. Giải rằng Sơ phát tâm là tên Sơ trụ, liền thành Chánh giác tức là thành Phật tám tướng. Đây phân chứng quả, tức nhân giáo chân ở đây, nghĩa là thành Diệu giác thật là sai lầm. Nếu như vậy thì Nhị trụ đã bỏ, các địa vị không lập. Nếu nghiêng nặng về lời nói thì Phật có lỗi rất nhiều. Nói có địa vị, mỗi địa vị thâm nhiếp tất cả địa vị. Lại nói, phát tâm rốt ráo hai pháp, không khác nhau. Phải biết nhiếp yếu chỉ tế thức chẳng phải hai. Long Nữ liền thành Chánh giác, các Thanh văn, người được thọ ký đời sau thành Phật đều là tướng địa vị thành Phật. Tuệ thân là đức Bát-nhã, liễu nhân tánh được khai phát. Diệu Pháp thân là đức Pháp thân. Chánh nhân tánh khai phát, ứng nhất thiết là đức giải thoát, tức là nhờ nhân tánh được khai phát. Như ba thân này phát được bốn hữu, cho nên nói không từ người khác mà ngộ. Trung quán hiện tiền, khai Phật nhãn thành trí nhất thiết chủng, đi năm trăm do-tuần, đến được đảo châu báu, đầu tiên ở cõi thật báo không chướng ngại, niệm không rời địa vị. Kế là từ Nhất trụ cho đến Thập trụ, mỗi trụ dứt một phẩm vô minh, thêm một phần Trung đạo, ngang với Thập địa của Biệt giáo. Kế là nhập sơ hạnh dứt một phẩm vô minh, ngang với biệt giáo và đẳng giác. Kế là nhập vào nhị hạnh, ngang với diệu giác của Biệt giáo. Từ tam hạnh trở đi người của Biệt giáo còn không biết danh tự, huống chi hàng phục và dứt. Vì Biệt giáo chỉ phá mười hai phẩm vô minh cho nên lấy chân nhân của ta làm cực quả của người. Chỉ duyên giáo càng quyền thì địa vị càng cao, giáo càng thật thì địa vị càng thấp. Giống như biên phương chưa yên tĩnh thì việc canh giữ càng cao. Huân tước càng lớn thì địa vị càng thấp. Cho nên quyền giáo tuy xưng Diệu giác chỉ là hạnh thứ hai trong Thật giáo. Kế là từ Tam hạnh trở đi cho đến Thập địa mỗi pháp dứt một phẩm vô minh, tăng thêm một phẩm Trung đạo, tức dứt bốn mươi phẩm hoặc. Lại phá một phẩm vô minh, nhập địa vị Đẳng giác, đây là Nhất sinh bổ xứ. Tiến đến phá một phẩm vô minh sâu kín, nhập vào địa vị Diệu giác. Vĩnh biệt cha mẹ vô minh, chứng Niết-bàn rốt ráo. Các pháp không bất sinh, Bát-nhã bất sinh, bất sinh bất sinh gọi là đại Niết-bàn. Lấy hư không làm nhà, thành Pháp thân thanh tịnh, ở cõi Thường tịch Quang tức là tướng của Phật viên giáo. Như vị thứ của Viên giáo, nếu không dùng sáu để phán xét việc thì chỉ lạm dụng cõi trên. Cho nên tu sáu tức phán xét địa vị. Nghĩa là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, có Phật không Phật, tánh tướng vẫn thường trụ.

Lại nói: Một sắc một hương đều là lời nói Trung đạo, đều là lý tức. Kế là từ thiện tri thức và từ kinh điển, nghe thấy điều này là danh tự tức. Y giáo tu hành là quán hành tức (Năm phẩm vị). Tương tự giải

thoát tức tương tự tức (Thập tín). Phần phá phần kiến là phần chứng tức (từ Sơ trụ cho đến Đẳng giác). Trí dứt viên mãn là Cửu cánh tức (địa vị Diệu giác). Theo địa vị tu hành từ thấp đến cao, nên gọi là Sáu. Theo chỗ hiển bày lý thể mỗi vị không hai nên gọi là Tức. Cho nên sau chữ thức sâu không sinh tâm thượng mạn, kể là nói chữ Minh bất sinh tự khuất, có thể quay về có thể nương tựa để chọn lựa tư. Lược nói địa vị Viên giáo đã xong. Nhưng lúc nương vào Bốn giáo trên mà tu hành mỗi pháp có phương tiện chánh tu. Nghĩa là năm mươi hai phương tiện quán pháp Thập thừa. Nếu các giáo mỗi giáo tự rõ ràng thì vẫn nó khá rườm rà. Ý nghĩa tuy khác mà danh số không khác, cho nên nay gọi chung là minh, có thể dùng ý mà biết. Nói hai mươi lăm phương tiện gom thành năm khoa. Một là đủ năm duyên, hai là trách năm dục, ba là năm cái, bốn là điều phục năm việc, năm là thực hành năm pháp. Đầu tiên nói năm duyên.

1. Trì giới thanh tịnh. Như trong kinh nói nhờ giới này mà sinh ra các thiền định và trí tuệ diệt khổ nên gọi là Tỳ-Kheo. Nên giữ giới thanh tịnh tại gia, xuất gia, Đại thừa, Tiểu thừa không giống nhau. Hai là y thực đầy đủ. Y có ba:

1- Như Đại sĩ ở trong núi tuyết được áo xấu là đủ, không giống như người nhân gian do năng lực kham nhẫn mà thành.

2- Như Ca-diếp chỉ có ba y phần tảo không chừa y dư.

3- Ở xứ lạnh, Như Lai cũng cho ngoài ba y còn có một trăm lẻ một dụng cụ. Thức ăn cũng có ba.

1- Bậc thượng căn Đại sĩ ở trong núi sâu cắt đứt với người đời, dùng cây cỏ nuôi thân.

2- Thường xin thức ăn.

3- Nhờ đàn việt cúng dường. Ở trong tăng thanh tịnh mà ăn. Ba là nhàn cư tịnh xứ, không làm các việc gọi là nhàn, không ở chỗ ồn náo gọi là Tịnh. Xứ có ba. Theo y và thực rất dễ biết. Bốn là dứt các việc duyên. Nghĩa là dứt sinh hoạt, dứt việc người, dứt kỹ thuật khéo léo. Năm là gần thiện tri thức, có ba.

1- Thiện tri thức ngoại hộ.

2- Thiện tri thức đồng hành.

3- Thiện tri thức giáo thọ.

Phần thứ hai là quả mạng năm dục:

Một- là quả trách sắc. Nghĩa là tướng mạo trang nghiêm của nam nữ, sửa mắt, nâng mày, son phấn, cạo môi, răng và các vật báu thế gian, treo các vật có nhiều màu sắc.

Hai- là quả trách âm thanh: Nghĩa là âm thanh của đàn sáo hoàn bội và âm thanh ca vịnh của nam, nữ.

Ba- là quả trách hương: Nghĩa là hương nam, nữ và hương thức ăn uống ở thế gian.

Bốn- là quả trách vị: Nghĩa là các loại thức ăn ngon ngọt.

Năm- là quả trách xúc: Nghĩa là thân nam, nữ mềm mại trơn láng, lúc lạnh thân cần ấm, lúc nóng cần mát và các xúc chạm ưa thích.

Phần thứ ba bỏ năm cái. Nghĩa là tham dục, sân nhuế, ngu ngỗ, trạo hối, si.

Phần thứ tư là điều phục năm việc. Nghĩa là điều phục tâm không chìm không nổi. Điều thân không chậm không mau. Điều phục hơi thở không rít không trơn. Điều phục ngũ ngỗ ngỗ không bó buộc, không buông thả. Điều phục ăn uống không đói không no.

Phần thứ năm là thực hành năm pháp:

Một- là Dục. Nghĩa là dục lìa tất cả vọng tưởng điên đảo ở thế gian. Dục được tất cả các pháp môn thiền định, trí tuệ.

Hai- là Tinh tấn: giữ gìn giới cấm, lìa bỏ năm cái. Đầu hôm, nửa đêm, gần sáng phải cần tinh tấn.

Ba- là Niệm niệm thế gian đối trá đáng khinh, đáng rẻ. Thiền định trí tuệ đáng trọng, đáng quý.

Bốn- là Trí tuệ bén nhạy. So sinh sự ưa thích của thế gian và ưa thích thiền định trí tuệ được mất, nặng nhẹ.

Năm- là Nhất tâm. Niệm tuệ rõ ràng. Thấy rõ thế gian đáng lo đáng chán. Công đức thiền định trí tuệ của tri thức đáng tôn, đáng quý, hai mươi lăm pháp này là bốn phương tiện giáo trước, cho nên cần phải đầy đủ. Nếu không có phương tiện này thì thiền định thế gian còn không thể được, huống chi là lý vi diệu xuất thế gian? Nhưng trước nói giáo tiệm đốn không giống nhau, phương tiện cũng khác thì nương cái gì để tu hạnh giáo? Đến lúc phải xét.

Kế là nói chánh tu quán pháp Thập Thừa, cũng tên đồng nghĩa khác của Bốn giáo. Nay nói Viên giáo, các giáo khác cũng như vậy. Một là quán cảnh không thể nghĩ bàn: Nghĩa là quán một niệm tâm đủ ba ngàn tánh tướng, trăm cõi ngàn như, cảnh trong đây tức không, tức giả, lại không có trước sau, rộng lớn viên mãn, ngang dọc tự tại. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: Xe này cao rộng (thượng căn chánh kiến). Hai là chân chánh phát tâm Bồ-đề. Nghĩa là nương vào cảnh mâu nhiệm, phát bốn thế nguyện sâu rộng vô tác. Thương mình thương người, trên cầu Phật đạo, dưới hóa chúng sinh. Cho nên kinh chép: Lại ở trên đó lập

bày ra sự che chở. Ba thiện xảo an tâm chỉ quán, nghĩa là thể nhận được lý vi diệu. Ở trước thường hằng vắng lặng gọi là Định. Tịch mà thường chiếu gọi là Tuệ, cho nên kinh chép: An trí chỗ nghỉ, Bốn là phá pháp biến. Nghĩa là dùng ba quán phá ba hoặc ba quán nhất tâm, vô hoặc bất phá, cho nên kinh chép: Nhanh như gió. Năm thức thông với chỗ nguy hiểm nghĩa là khổ tập, mười hai nhân duyên, sáu chỗ ngăn che, trần sa, vô minh là nguy hiểm. Đạo diệt là nhân duyên trí diệt. Sáu Độ, một tâm ba quán là chung. Nếu thông cần ủng hộ thì có nguy hiểm cần phá. Đối với chung khởi nguy hiểm có thể phá như chỗ phá liên tiếp xem xét gọi là Thức thông nguy hiểm. Kinh chép: An trí chỗ nghỉ (xe ngoại). Lục đạo phẩm điều thích, nghĩa là phẩm đạo vô tác. Mỗi pháp đều dừng tùy nghi mà nhập. Kinh nói có trâu trắng (thượng, trung căn). Bảy là đối trị giúp khai mở, nghĩa là chánh đạo nhiều chướng ngại, viên lý không khai, cần việc trợ giúp. Nghĩa là năm pháp dừng tâm và sáu Độ. Kinh chép: Có nhiều tội tớ (đây là hạ vị, hạ căn). Tám là biết vị thứ, nghĩa là người tu hành thoát tăng thượng mạn. Chín là được an nhẫn. Nghĩa là thuận hay nghịch vẫn an nhiên bất động, sách tiến năm phẩm nhập vào sáu căn. Mười là không có pháp ái, nghĩa là không mê đắm đạo Thập tín tương tự. Cần nhập lý sơ trụ chân thật. Kinh chép: Thừa là xe báu, đi khắp bốn phương (vượt qua bốn mươi giai vị) thẳng đến đạo tràng (địa vị Diệu giác) xét theo quảng bốn của Thai giáo, ghi chép năm thời tám giáo, lược biết như thế. Nếu phải làm rõ ràng thì phải xem quyển Diệu Pháp huyền nghi, xem chư Phật mười phương ba đời nói pháp oai nghi, giống như gương sáng và Tịnh Danh Huyền Nghĩa bốn quyển, toàn bộ phân biệt giáo tướng. Từ đây trở xuống lược nói các nhà phân biệt nghi thức giáo.